

Thanh Hư Động

và đền thờ Đại Tư đồ

BÍCH SÂM*

Thanh Hư động thuộc quần thể di tích Côn Sơn xã Cộng Hoà, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Thời Trần thuộc xã Chi Ngại, huyện Phượng Sơn, lộ Lạng Giang, trấn Kinh Bắc. Nơi đây có chùa Côn Sơn tên chữ Hán là Thiên Tư Phúc tự (nghĩa là chùa được trời ban phúc lành).

Chùa Côn Sơn phát triển mạnh mẽ từ khi có thiền phái Trúc Lâm do vua Trần Nhân Tông sáng lập. Tấm bia tạo năm Thiệu Phong thứ 17 (1357) của chùa ghi: "...chùa Thiên Tư Phúc Côn Sơn xã Chi Ngại, huyện Phượng Nhân là nơi danh lam cổ tích, nơi trụ trì của sư tổ thứ 3 đời nhà Trần - sư nổi pháp Huyền Quang Ma ha đại tôn giả. Chùa xưa được vua Trần Minh Tông cấp 1 vạn tờ điệp khổng chỉ, người cúng tiền vàng kể đến hàng nghìn, lưu truyền đến muôn đời...".

Căn cứ vào những lần trùng tu, ta có thể hình dung được quy mô đồ sộ của Thiên Tư Phúc tự xưa: "... trùng tu chỉnh đốn bảo điện, đao dài đông đúc, lầu chuông, gác phẩm", "Chênh vênh đối chiếu, sừng sững tương vọng...", "Sùng Hưng xây dựng Đấng Minh bảo tháp trông tựa ngọc báu. Sửa chữa hậu đường... cùng 2 bên tả, hữu hành lang, trùng tu lại cửa phẩm liên hoa như hòn ngọc biếc; tô lại hơn 300 tượng pháp trên cửa phẩm, làm mới tượng Giác Hoa, Địa Tạng, Mục Liên, Dược Sư,

Như Lai, sơn thếp lại các pho tượng Phật cùng bảo toà Tam vị thánh tổ. Hoàng kim lấp lánh, công nghiệp vẹn tròn...".

Vậy, chùa Thiên Tư Phúc Côn Sơn thực sự trở thành một trong những trung tâm tôn giáo lớn của đất nước thời trung đại và đến bây giờ vẫn tồn tại với tư cách là quốc tự (chùa của nước).

Cuối thế kỷ XIV, triều Trần suy vong, báo trước sự sụp đổ không còn xa nữa, Tư đồ Trần Nguyên Đán xin với 2 vua (Nghệ Tông, Duệ Tông) về trí sĩ ở Côn Sơn. Trần Nguyên Đán (1325 - 1390), hiệu là Bằng Hồ, con của Uy Túc; hầu Trần Văn Bích - chắt của Thượng tướng; Thái sư Trần Quang Khải. Trần Nguyên Đán thuộc họ tôn thất, nên từ sớm được bổ nhậm làm quan theo quy chế tập chức. Năm 1369, ông có công dẹp loạn Dương Nhật Lễ được phong chức Tư đồ Phụ chính, tước Chương túc Quốc thượng hầu. Sự nghiệp thơ văn có "Bằng Hồ ngọc hác tập" (đã mất) hiện còn 51 bài thơ in trong tập "Thơ văn Lý - Trần, tập 3". Ông không chỉ là một vị tướng tài, một nhà thơ, còn là nhà lịch pháp nổi tiếng thế kỷ XIV.

Lý do ông chọn Côn Sơn về trí sĩ, có lẽ không chỉ vì Côn Sơn cảnh đẹp "núi xanh muôn lớp như bức bình phong vẽ" (Chu Văn An), một "danh lam nơi đất Bắc, tiêu biểu của trời Nam" (bia Bảo Thái thứ 3 (1721)) mà còn là một trong 3 chốn tổ của dòng thiền Trúc Lâm do chính tổ nội của ông khởi dựng. Nhị Khê Nguyễn Phi

* PHÓ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DI TÍCH CÔN SƠN - KIẾP BẠC, HẢI DƯƠNG

Khanh nhận xét về ông:

"Áo nấp như mây tụng niệm lời kinh hoàng nghiêm
Lòng son tựa ráng chấp tay theo tiên xích tưng".

Nghĩa là: Tư đồ cũng muốn mặc áo nấp (áo nhà sư) về Côn Sơn ngẫm nghĩ về những điều mầu nhiệm của đạo Thiền.

Chính vì vậy trước khi về cáo lão ở Côn Sơn, ông đã cho gia nhân về đây xây dựng một ngôi nhà trong khu vực ở sườn núi Côn Sơn:

"Một tiếng trống vang, muôn người xúm lại, phật bụi san đôi, thế là suối nguồn được gạn trong, cỏ rác được dọn sạch, phu thợ đủ các nghề, xây đắp không nghỉ. Chưa đầy một tháng mà việc dựng cột xây tường đều xong, chỗ cao khoáng khoáng, chỗ thấp bằng phẳng, đứng xa trông chỉ thấy một màu xanh, khu động vây bọc những cảnh kỳ lạ và đẹp đẽ, các nơi nghỉ ngơi chơi ngắm đều có đặt tên riêng, nhưng tất cả khu đó được gọi chung là Thanh Hư động"¹.

Đại Tư đồ Trần Nguyên Đán đặt tên cho động phủ của mình là Thanh Hư động với hàm nghĩa gì?

- Thanh: Có nghĩa là xanh, là trong.

- Hư: Có nghĩa là hư không, thoát tục.

- Động: Là một khu vực ở trong núi. Thời xưa còn mang ý nghĩa một đơn vị hành chính, không phải hang động.

Như vậy, ta hiểu Thanh Hư là một miền bản thể, cốt lõi, trong sạch tuyệt đối.

Trong động Thanh Hư, ông cho trồng trúc, "Thanh Hư đầy động hàng ngàn trúc" (Nguyễn Trãi), trên núi trồng thông. Truyền thuyết "Ông thông, bà giẻ" còn lưu lại đến bây giờ. Ông muốn tạo dựng động Thanh Hư thành "một miền đất thánh thiện". Những cây ông trồng đều bao hàm ý nghĩa "chân như, sắc không". Trúc là một cây thẳng, tượng trưng cho người quân tử, cây có ruột rỗng biểu hiện "tâm không" của đạo Phật, đó là nói về bản thể chân như, cốt lõi nguyên nguyên chung của muôn loài, muôn vật, dẫn tới phát triển đại từ tâm, một cứu cánh của Phật đạo mang ý nghĩa như một nền tảng của "sắc - không".

Thông là loại cây cao, lá nhỏ nó tượng trưng về đẹp thanh tao của người quân tử, mang bóng dáng của người anh hùng, thông còn có nghĩa là hiểu biết đồng thời nó gắn với tư tưởng Thiền và Lão Trang.

Như vậy, động Thanh Hư của Đại Tư đồ ở Côn Sơn mang ý nghĩa và ước muốn của ông

Bích Sâm: Thanh Hư động và đền thờ Đại Tư đồ

là xây dựng nơi này thành một miền thánh thiện "Khói ngàn ráng đỏ như gấm cuốn, như lụa giăng, cỏ rừng, hoa suối hoặc mầu biếc đung đưa, hoặc mầu hồng rực rỡ. Cảnh mát dịu trong lành, thơm đến muốn nuốt, xinh đến muốn ăn. Phàm những cái gọi là hình trạng trong mát, tiếng vi vu, xa xa mà vắng không, sâu thẳm mà lặng lẽ hợp với sự mong mỏi của tai mắt và tinh thần đều hầu như đã hoà với bầu trời mênh mông mà vui chơi ra ngoài cõi vật"².

Có lúc, Tư đồ ngao du sơn thủy với thái độ của một đạo sĩ: "... có khi rong ngựa chơi miền Gia Lâm, có khi chèo thuyền dạo miền Bình Thanh. Hoặc có lúc cùng bạn như Tạ Phó đi chơi núi, hoặc có lúc hát bài từ "Qui khứ" của Đào Tiềm. Đầu đội chiếc khăn, lưng thưng bên đèo" (Tạ Phó, tức Tạ An và Đào Tiềm là những nhà ẩn dật nổi tiếng của Trung Quốc).

Thanh Hư động của Tư đồ bao gồm các công trình "nghỉ ngơi, chơi ngắm" ở sườn núi Côn Sơn rộng trên 2000 m², dưới núi có cầu Thấu Ngọc bắc qua suối Côn Sơn. Nguyễn Trãi khi về ẩn ở Côn Sơn thường thưởng trà trên cầu Thấu Ngọc: "Đình Thấu Ngọc tiên xanh, tuyết nhũ". Kiến trúc cây cầu theo kiểu "thượng gia, hạ kiều" và Thấu Ngọc kiều còn tồn tại mãi đến thế kỷ XIX. Truyền lại, động dựng xong, vua Trần Duệ Tông tặng 3 chữ ngự bút lớn Thanh Hư động tạc ở mặt bia, Thượng hoàng Nghệ Tông tự chế bài minh khắc vào lưng bia.

Năm 1385, Đại Tư đồ cùng với gia đình và cháu ngoại là Nguyễn Trãi về sống ở Côn Sơn. Trong 5 năm (1385 - 1390) ở Côn Sơn ngoài việc vân du sơn thủy, suy ngẫm về lẽ mầu nhiệm của đạo Thiền, ông còn có công dạy cháu ngoại những bài học làm người. Những bài học đầu tiên ấy ảnh hưởng sâu sắc đến việc hình thành nhân cách của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi. Cũng trong khoảng thời gian này, Tư đồ có cho đắp một đàn tế sao Bắc Đẩu mong muốn kéo dài triều đại nhà Trần. Ở đây, ta cảm thấy thế giới quan của ông đầy mâu thuẫn. Một mặt muốn thoát tục (Thanh Hư), nhưng một mặt vẫn nặng lòng với đời. Ông vẫn nuôi một hy vọng có cơ hội để khôi phục lại một thời hào khí Đông A (Trần). Bản thân ông là một nhà Nho, một quan chức lớn, vì vậy sự mâu thuẫn ấy cũng là điều dễ hiểu (hơn nữa phái Trúc Lâm là một dòng Thiền nhập thế, gắn với đời và thực tế cuộc sống).

Năm 1390, ông ốm mà không uống thuốc, vì không muốn sống để nhìn thấy cảnh nhà Trần sụp đổ. Ngày 14 tháng 11 năm Canh Ngọ (1390) Tư đồ mất, thọ 65 tuổi. Sau khi ông mất, ở khu vực động Thanh Hư có một ngôi nhà thờ ông. Trước năm 1395, Thượng hoàng Nghệ Tông có về thăm và làm bài thơ "Đề Tư đồ Trần Nguyên Đán từ đường".

"... việc muối mơ qua rồi, bia vẫn còn đây,
Đàn tinh đầu bỏ hoang lối đi đã mờ.

Động phủ quanh vắng, người bay lên tiên rồi.

Chỉ còn lại dấu vết gợi nên nỗi buồn man mác"³.

Nhiều thế kỷ qua, Thanh Hư động chỉ còn là một khu phế tích, nhưng địa danh Thanh Hư động vẫn hấp dẫn tín đồ, du khách thập phương. "Ôn cố tri tân", ngày 02 tháng 6 năm 2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ra Quyết định số 2138/QĐ - UB về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình: Xây dựng đền thờ Nguyễn Trãi giai đoạn 2, trong đó xây dựng am tại động Thanh Hư, thờ Trần Nguyên Đán.

Ngôi đền xây dựng trên nền động phủ xưa, ở độ cao 60 m. Kiến trúc ngôi đền do Công ty kiến trúc ACC - Hội Kiến trúc sư Việt Nam thiết kế, được thể hiện dưới bàn tay tài hoa của cánh thợ cổ truyền làng Cúc Bồ thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư đồ di tích Thanh Bình thi công. Sau hơn 2 năm xây dựng, ngôi đền dự kiến khánh thành vào mùa xuân năm 2006. Đường lên đền quanh co, khúc khuỷu được lát bằng đá quý. Nghi môn kết cấu tứ trụ, hai trụ chính đối xứng với nhau qua đường thần đạo vào đền. Đỉnh trụ là búp phượng chầu ra 4 hướng. Dưới búp phượng tạo mái long đình, lồng đèn đắp tứ linh. Đế trụ đắp vữa dạng cổ bông. Giữa 2 trụ chính làm mái nhà chèo, lợp ngói vẩy cá. Trụ phụ tương tự trụ chính, đỉnh trụ đắp long mã quy chầu, lồng đèn trang trí tứ quý.

Đền chính kiến trúc kiểu chữ đình, gồm Bái đường và Hậu cung. Kiến trúc Bái đường theo kiểu 2 tầng 8 mái, lợp ngói vẩy cá. Chính giữa bờ nóc là hình hổ phù đội mặt trời bốc lửa. Đầu bờ nóc đắp con kim hiện thân của con ly. Đầu đao tầng mái trên đắp rồng, mây, lá hoá rồng. Tầng mái dưới đắp đao kép tứ linh trong dáng đầm ấm, biểu hiện sự trường tồn âm dương hoà

hợp.

Bái đường 1 gian 2 chái, hệ thống cửa bức bàn chạm hình tiên nữ dâng hoa đánh đàn. Các gian liên kết với nhau bởi hệ thống vì xà tường bao. Hai bộ vì nóc gian chính điện kết cấu giá chiêng, chống rường con nhị. Hệ thống cột bê tông giả gỗ. Chân tảng bằng đá chạm khắc hình cánh sen.

Hậu cung xây kiểu tường hậu bit đốc, 1 gian 2 chái. Hệ thống cửa thượng song hạ bản. Phía trên 2 cửa ngách chạm phượng cuốn thư. Trong hậu cung, tượng thờ Tư đồ được đúc bằng đồng.

Hầu hết các cấu kiện đền Đại Tư đồ được làm bằng bê tông giả gỗ sơn son thếp vàng, trừ một số cấu kiện ở mái: Hoàn, rui, tàu mái, lá mái, ấu tầu và hệ thống cửa được làm bằng gỗ lim. Tất cả những hoạ tiết trang trí, kiến trúc thể hiện sự tôn quý cho ngôi đền.

Ngôi đền uy nghi thấp thoáng dưới tán thông cổ thụ nhìn ra hồ Côn Sơn - nơi tụ thủy, cũng được coi là tụ linh tụ phúc; tiền án là dãy núi An Sinh. Đắm mình trong không gian thiên nhiên đầy thơ mộng; có gió thổi thông reo, suối ngàn vẫn chảy rì rào như đang kể về một thời hơn 600 năm trước, ngôi đền trầm mặc, ẩn chứa tư tưởng của Bạng Hồ tướng công :

"Tư đồ sáng am

Trên núi thâm nghiêm,

Há phải muốn riêng mình vui thú,

Chính là để ngụ cái ý lên cao.

Ngôi trên bàn đá là muốn đặt thế nước yên ổn,
Cúi nhìn dòng nước là muốn bàn sâu vào việc nước,
Nương dưới bóng cây là muốn mở rộng sự che chở cho dân
Tựa vào khóm trúc là muốn đến với nhiều hiền sĩ"⁴.

B.Đ

Chú thích:

1,2 - Nguyễn Phi Khanh: "Thanh Hư Động ký", trong *Thơ văn Lý - Trần*, tập 3, Nxb. KHXH, HN, 1978, tr. 495.

3 - Trần Nghệ Tông: "Đề Tư đồ Trần Nguyên Đán từ đường", *Sách đã dẫn*, tr. 221.

4 - Trần Nghệ Tông: "Côn Sơn Thanh Hư Động bi minh", *Sách đã dẫn*, tr. 223.